

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018



Mục lục	Trang
Thông tin chung	3
Thông tin tổng quát	4
Quá trình phát triển	5
Các dịch vụ cung cấp	7
Mạng lưới hoạt động	7
Định hướng phát triển	8
Báo cáo của Ban Giám đốc	10
Diễn biến thị trường chứng khoán	11
Kết quả hoạt động kinh doanh	11
Tình hình tài chính	14
Cơ cấu cổ đông	16
Tổ chức và nhân sự	17
Kế hoạch phát triển	18
Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị	19
Đánh giá hoạt động kinh doanh	20
Hội đồng quản trị	21
Báo cáo tài chính	22

Thông tin chung

Thông tin tổng quát
Quá trình phát triển
Dịch vụ của VinaSecurities
Mạng lưới hoạt động
Định hướng phát triển

Thông tin tổng quát

Tên công ty	Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina
Tên giao dịch	VinaSecurities JSC
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	50/UBCK-GPHĐKD do Ủy Ban Chứng khoán nhà nước cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006
Vốn điều lệ	185 tỷ đồng
Trụ sở chính	120 Pasteur, Quận 1, TPHCM
Email	vnsc@vinasecurities.com
Website	www.vinasecurities.com

Quá trình phát triển

Công ty Cổ phần chứng khoán Vina (“VinaSecurities”) được thành lập vào ngày 26 tháng 12 năm 2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015219 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 26 tháng 12 năm 2006 với vốn điều lệ là 45 tỷ đồng.

Ngày 29 tháng 12 năm 2006, VinaSecurities được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán theo quyết định số 50/UBCK-GPHĐKD có trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh và được phép kinh doanh đầy đủ các nghiệp vụ gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Tháng 3 năm 2009, VinaSecurities được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước chấp thuận cho rút bớt nghiệp vụ tự doanh và bảo lãnh phát hành, đồng thời được chấp thuận tăng vốn điều lệ lên 100 tỷ đồng.

Tháng 4 năm 2010, Tập Đoàn VinaCapital chính thức trở thành cổ đông lớn của VinaSecurities. Tập Đoàn VinaCapital, công ty quản lý đầu tư lớn nhất tại Việt Nam, hiện đang quản lý hơn 1,7 tỷ USD giá trị tài sản.

Tháng 10 năm 2010, VinaSecurities được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận tăng vốn điều lệ lên 185 tỷ đồng.

Ngày 27 tháng 10 năm 2010, VinaSecurities đã thành công trong việc ký kết thỏa thuận hợp tác toàn diện với Macquarie Capital Securities Limited, một thành viên của tổ chức tài chính toàn cầu, Macquarie Group (Macquarie, ASX: MQG) theo đó cho phép khách hàng của Macquarie tiếp cận vào thị trường tài chính Việt Nam, một trong những thị trường phát triển nhanh nhất của Châu Á và cho phép khách hàng của VinaSecurities tiếp cận các thị trường tài chính toàn cầu hiện tại của Macquarie. Phạm vi ban đầu của thỏa thuận giúp cho khách hàng của Macquarie có thể nhận được các báo cáo nghiên cứu về cổ phiếu tập trung vào thị trường Việt Nam và thực hiện giao dịch cổ phiếu các công ty Việt Nam. Thỏa thuận cũng bao gồm thỏa thuận đối tác độc quyền giữa VinaSecurities và Macquarie về cung cấp các giao dịch trên thị trường vốn, mua bán và sáp nhập và các tư vấn tài chính khác.

Tháng 5 năm 2011, VinaSecurities được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước chấp thuận đóng cửa chi nhánh tại Hà Nội theo quyết định số 364/QĐ – UBCK.

Tháng 6 năm 2011, VinaSecurities thành lập Văn phòng Đại diện tại Hà Nội theo quyết định chấp thuận số 457/QĐ-UBCK của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước.

Tháng 4 năm 2012, VinaSecurities bị Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt.

Tháng 7 năm 2012, VinaSecurities được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước chấp thuận dời văn phòng đến địa điểm mới theo quyết định số 100/QĐ – UBCK.

Tháng 9 năm 2012, Tập.Đoàn VinaCapital hoàn tất thủ tục chuyển nhượng phần vốn góp cho các tổ chức khác và chính thức không còn là cổ đông của VinaSecurities.

Tháng 10 năm 2012, VinaSecurities được đưa ra khỏi diện kiểm soát đặc biệt theo quyết định số 850/QĐ-UBCK.

Tháng 2 năm 2013, VinaSecurities được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước chấp thuận di dời văn phòng đại diện đến địa điểm mới theo quyết định số 59/QĐ – UBCK.

Tháng 10 năm 2015, VinaSecurities nhận Quyết định chấm dứt tư cách thành viên tự nguyện tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 486/QĐ-SGDHCM.

Tháng 11 năm 2015, VinaSecurities nhận Quyết định chấm dứt tư cách thành viên tự nguyện tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội theo Quyết định số 781/QĐ-SGDHN.

Tháng 11 năm 2015, VinaSecurities được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước chấp thuận đóng cửa văn phòng đại diện theo quyết định số 927/QĐ-UBCK.

Tháng 01 năm 2016, VinaSecurities được Ủy Ban Chứng khoán nhà nước cấp Giấy phép điều chỉnh chấp thuận rút nghiệp vụ Môi giới chứng khoán và Lưu ký chứng khoán.

Tóm tắt các sự kiện

Thời gian	Sự kiện
12/2006	VinaSecurities được cấp giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán
03/2007	VinaSecurities được công nhận là thành viên lưu ký
05/2007	VinaSecurities được công nhận là thành viên của Sở Giao Dịch Chứng khoán Hà Nội
08/2007	VinaSecurities được công nhận là thành viên của Sở Giao Dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh
02/2008	Được chấp nhận nguyên tắc tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng
10/2008	Được chấp nhận thành lập chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh
03/2009	Được chấp nhận cho rút bớt nghiệp vụ tự doanh và bảo lãnh phát hành chứng khoán và VinaSecurities chính thức hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên 100 tỷ
09/2009	VinaSecurities thay đổi trụ sở đặt tại TP Hồ Chí Minh và chi nhánh đặt tại Hà Nội
04/2010	VinaCapital chính thức trở thành cổ đông lớn của VinaSecurities
10/2010	Được chấp nhận tăng vốn điều lệ lên 185 tỷ đồng
10/2010	Ký kết hợp đồng hợp tác toàn diện độc quyền với Công ty chứng khoán Macquarie Capital, thành viên của Tập đoàn Tài chính Toàn cầu Macquarie (MQG)
05/2011	VinaSecurities đóng cửa chi nhánh tại Hà Nội
06/2011	VinaSecurities thành lập Văn phòng Đại diện tại Hà Nội
04/2012	VinaSecurities bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt
07/2012	VinaSecurities thay đổi địa điểm đặt trụ sở tại TP Hồ Chí Minh
10/2012	VinaSecurities được đưa ra khỏi tình trạng kiểm soát đặc biệt
03/2013	VinaSecurities thay đổi địa điểm văn phòng đại diện tại Hà Nội
10/2015	VinaSecurities chấm dứt tư cách thành viên tại Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM
11/2015	VinaSecurities chấm dứt tư cách thành viên tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
11/2015	VinaSecurities đóng cửa văn phòng đại diện Hà Nội.
12/2015	VinaSecurities chấm dứt tư cách thành viên lưu ký với Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam
01/2016	VinaSecurities rút nghiệp vụ Môi giới chứng khoán và Lưu ký chứng khoán.

Các dịch vụ cung cấp

Các dịch vụ kinh doanh chính của VinaSecurities bao gồm dịch tư vấn tài chính doanh nghiệp, phân tích và tư vấn đầu tư.

Tài Chính Doanh Nghiệp

VinaSecurities cung cấp dịch vụ tài chính doanh nghiệp trong 4 lĩnh vực chính:

Thị Trường Vốn (ECM)

- Tư vấn cổ phần hóa
- Chào bán chứng khoán lần đầu cho công chúng và chào bán lần sau
- Giao dịch chứng khoán với khu vực tư nhân
- Các cơ cấu liên quan đến vốn chủ sở hữu

Mua bán và sáp nhập công ty (M&A)

- Tư vấn việc mua bán và sáp nhập công ty (M & A) xuyên quốc gia
- Tư vấn cho đối tượng trong nước

Thị trường Vốn nợ (DCM)

- Trái phiếu
- Cơ cấu tài chính
- Tài trợ dự án

Tư vấn cho doanh nghiệp

- Tư vấn chiến lược
- Tái cấu trúc công ty
- Mua công ty theo cơ chế đòn bẩy tài chính

VinaSecurities là công ty chứng khoán đầu tiên được cấp phép bảo lãnh phát hành chứng khoán huy động vốn vay và chứng khoán vốn. Bộ phận Tài Chính Doanh Nghiệp VinaSecurities, với vai trò tư vấn cho cả bên bán và bên mua, đã được thực hiện nhiều hợp đồng quan trọng tại Việt Nam, bao gồm tư vấn bảo lãnh phát hành trái phiếu cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), tư vấn phát hành cổ phiếu cho Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - SATRA, Tư vấn phát hành cổ phiếu cho Tập đoàn Hòa Phát, Tư vấn phát hành cổ phiếu cho Công ty CP Đầu tư Nam Long, công ty Kinh Đô, Tư vấn giao dịch chuyển nhượng vốn cho Khách sạn Hilton Hà Nội và tư vấn bán cổ phần bệnh viện Hoàn Mỹ.

Mạng lưới hoạt động

VinaSecurities hoạt động ở Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội với các văn phòng như sau:

Trụ sở chính

Địa chỉ: **120 Pasteur, Quận 1, TPHCM**
Điện thoại: **+ 84 (24) 66873314**

Định hướng phát triển

Mục tiêu chủ yếu

VinaSecurities hướng đến mục tiêu trở thành công ty chứng khoán hàng đầu trong thị trường trong nước. VinaSecurities hiện đang xây dựng và củng cố vị thế của mình trên thị trường chứng khoán Việt Nam bằng việc định hướng đến khách hàng là tổ chức trong nước và ngoài nước và nhóm khách hàng mà các công ty môi giới trong nước chưa quan tâm phục vụ tốt, cũng như là các nhà đầu tư cá nhân chuyên nghiệp.

Định hướng của Công ty là trở thành đối tác, lựa chọn của nhà đầu tư mong muốn tham gia thị trường chứng khoán Việt Nam bằng việc cung cấp cho khách hàng các dịch vụ đa dạng, phân tích chuyên sâu và các giải pháp hiệu quả trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp.

VinaSecurities quyết tâm áp dụng các chuẩn mực quốc tế về tuân thủ luật pháp trong hoạt động hàng ngày của công ty. Mục đích của VinaSecurities tạo niềm tin, sự tin cậy với khách hàng cũng như nhận được sự tín nhiệm từ phía khách hàng, từ đó tạo thuận lợi cho quan hệ giao dịch lâu dài với khách hàng. VinaSecurities đảm bảo các vấn đề sau đây sẽ được giám sát chặt chẽ nhằm tuân thủ các quy định hiện hành:

- Trách nhiệm đối với nhân viên
- Giao dịch tài khoản các nhân
- Trách nhiệm pháp lý
- Ghi chép sổ sách
- Thao túng thị trường
- Giao dịch nội gián
- Hướng dẫn tiếp thị
- Hướng dẫn phân tích chứng khoán
- Đánh giá năng lực của đối tác tiềm năng

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

VinaSecurities hướng đến mục tiêu trở thành công ty chứng khoán vững mạnh trong thị trường trong nước. Để đạt mục tiêu này, VinaSecurities hướng hoạt động kinh doanh theo các nguyên tắc sau:

- Lợi ích của khách hàng quan tâm hàng đầu
- Lợi thế cạnh tranh của VinaSecurities là đội ngũ nhân viên
- VinaSecurities luôn luôn nỗ lực tối đa đáp ứng nhu cầu khách hàng hơn mức mong đợi.
- Đổi mới và hiện đại là biên pháp duy nhất để tồn tại. Để đạt được mức độ tiên tiến cao, VinaSecurities liên tục thu hút, trọng dụng và khích lệ đội ngũ nhân viên.
- Trung thực và thành thật là nguyên tắc hoạt động nền tảng của hoạt động kinh doanh của VinaSecurities. Mọi nhân viên của VinaSecurities luôn duy trì chuẩn mực đạo đức cao trong mọi công tác hàng ngày.
- Lợi dụng và trục lợi thông tin là tuyệt đối cấm tại VinaSecurities.

- Hoạt động của VinaSecurities mang tính cạnh tranh cao, nhưng VinaSecurities luôn thể hiện tinh thần cạnh tranh lành mạnh, tuyệt đối không xúc phạm thanh danh của các công ty khác.
- Xây dựng đội ngũ chuyên gia kỳ cựu thuộc các lĩnh vực kinh doanh, giao dịch, phân tích đầu tư chứng khoán, tài chính doanh nghiệp.
- Kết hợp nhuần nhuyễn giữa tập quán quốc tế và kiến thức thị trường nội địa.
- Chăm sóc và nâng cao tinh thần, vật chất đối với lực lượng lao động của Công ty.
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp hướng về khách hàng, đoàn kết và thực hiện nghiêm túc các quy định ngành.
- Nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin nhằm đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Báo cáo của Ban Giám Đốc

Diễn biến thị trường chứng khoán

Kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông

Tổ chức nhân sự

Kế hoạch phát triển



Diễn biến thị trường chứng khoán

Tổng kết thị trường chứng khoán trong năm 2018

Trong năm 2018, kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định theo hướng tích cực, hệ thống doanh nghiệp tiếp tục cải thiện hoạt động thông qua kết quả kinh doanh trong khi hàng loạt chính sách phát triển thị trường của các cơ quan quản lý ban hành bắt đầu ngấm dần vào thực tế thị trường sẽ là những yếu tố hỗ trợ thị trường chứng khoán trong năm 2018.

Tuy nhiên, một số các yếu tố như rủi ro biến động tỷ giá, hoạt động phát hành thêm của doanh nghiệp niêm yết hay kế hoạch thoái vốn ngoài ngành và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước gây áp lực nguồn cung tăng trên thị trường.

Kết quả hoạt động kinh doanh

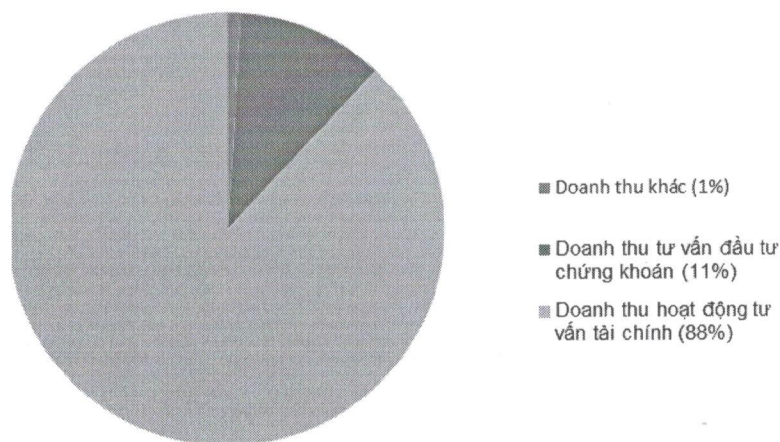
Doanh thu

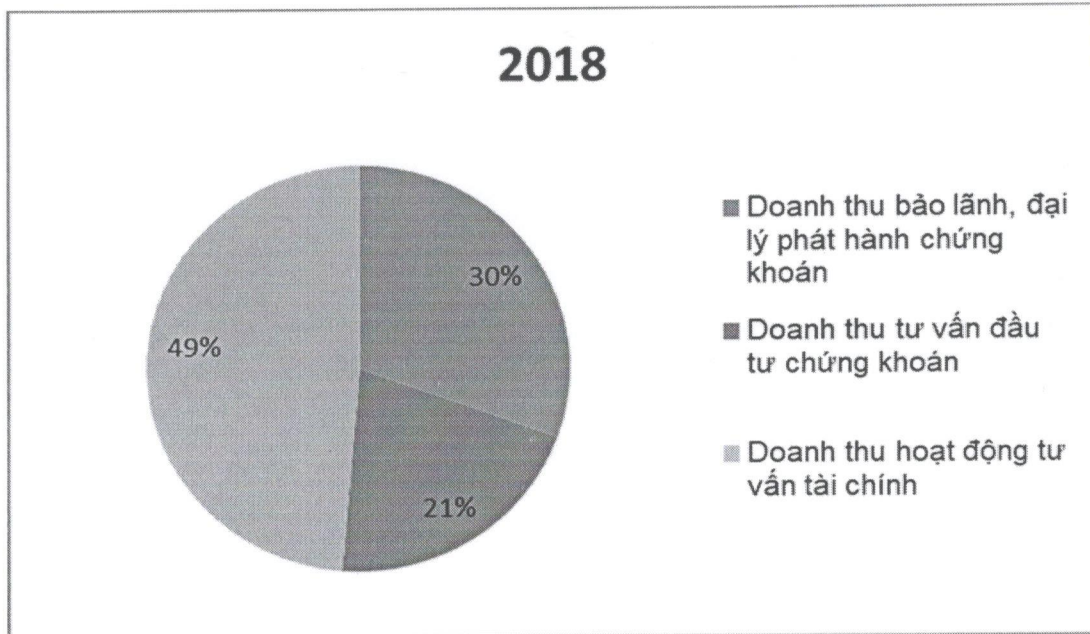
Đvt: triệu đồng

	2018	2017
Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	1.028	
Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán	700	1.800
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	1.636	14.825
Doanh thu khác		122
Tổng cộng	3.364	16.747

Kết thúc năm tài chính 2018, Vinasecurities đạt được 3.364 triệu đồng doanh thu. Mức doanh thu này bao gồm doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán đạt 1.028 triệu đồng, doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán đạt 700 triệu đồng, doanh thu hoạt động tư vấn tài chính đạt 1.636 triệu đồng. Nhìn chung, doanh thu năm 2018 giảm 79,91% so với doanh thu năm 2017 do VinaSecurities giảm doanh thu của mảng dịch vụ tư vấn.

Doanh thu năm 2017





Hoạt động tư vấn tài chính

Hợp tác chiến lược độc quyền với Macquarie trong lĩnh vực tư vấn tài chính mà Vinasecurities ký kết vào tháng 10 năm 2010 đã mang đến cho Vinasecurities những thành công ban đầu trong những năm vừa qua. Tuy nhiên ảnh hưởng rất lớn bởi sự điều chỉnh hoạt động kinh doanh của công ty.

Bộ phận Tư vấn hiện tại với đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao, dày dặn kinh nghiệm thực tế trong và ngoài nước có thể nói là một đội ngũ mạnh so với các công ty chứng khoán khác. Về mặt nghiệp vụ, đội ngũ tư vấn tài chính doanh nghiệp được hỗ trợ trong việc đào tạo chuyên môn, bổ sung thêm các kỹ năng kiến thức chuyên sâu trong tư vấn tài chính doanh nghiệp để nâng cao nghiệp vụ, chất lượng các dịch vụ nhằm phù hợp với tình hình kinh tế trong thời gian tới.

Bộ phận Tư vấn doanh nghiệp của Vinasecurities hiện cung cấp nhiều dịch vụ tư vấn tài chính bao gồm tư vấn cổ phần hóa, tư vấn phát hành chứng khoán, tư vấn niêm yết, tư vấn mua bán sáp nhập, tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp, tư vấn chiến lược.

Hoạt động nguyên cứu phân tích

Đóng góp một phần đáng kể vào sự tăng trưởng và phát triển các dịch vụ của Vinasecurities phải kể đến hoạt động của bộ phận Nghiên cứu phân tích. Đội ngũ nhân viên phân tích hiện có là một trong những đội ngũ phân tích mạnh nhất thị trường với năng lực thể hiện như sau:

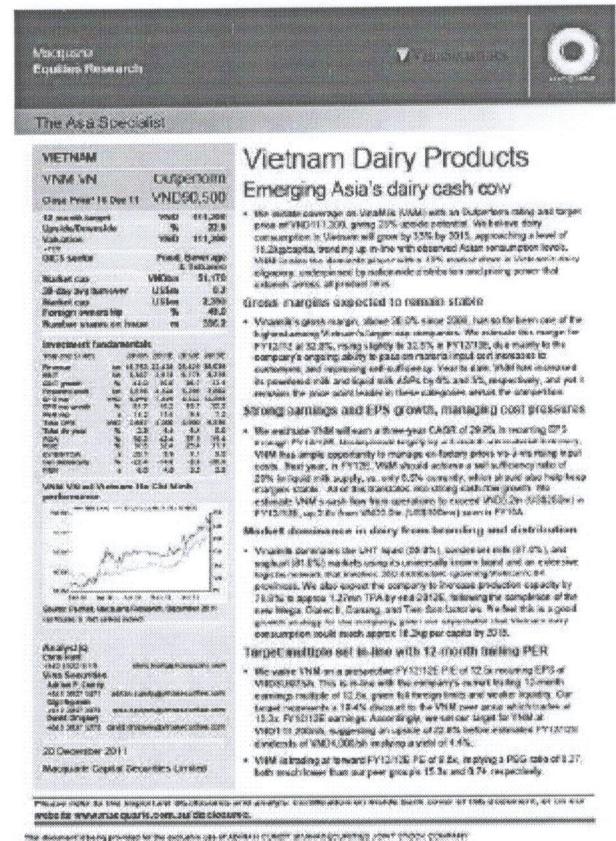
- Là công ty đầu tiên đưa ra các báo cáo với các khuyến nghị dựa trên các yếu tố thị trường để hỗ trợ nhà đầu tư chọn lựa chứng khoán.
- Là công ty đầu tiên phân tích chứng khoán với các dự báo từ 3 đến 5 nêu ra trong Báo cáo lãi và lỗ, Báo cáo dòng tiền và Bản cân đối tài khoản.
- Là công ty đầu tiên thực hiện các bản tin nhanh tóm lược về các công ty niêm yết.
- Thực hiện các báo cáo phân tích chứng khoán toàn diện nhất Việt Nam.
- Việc phân tích chứng khoán dựa trên nền tảng của khả năng chuyên môn về định giá chứng khoán và mô hình tài chính doanh nghiệp vững chắc.

Đồng thời, bộ phận Nghiên cứu phân tích đặc biệt chú ý đến yếu tố chất lượng nhằm mang lại sản

phẩm độc đáo “hiệu quả nhất thị trường” cho khách hàng.

Trong năm, hoạt động Nghiên cứu phân tích đã cung cấp các sản phẩm phân tích sau:

- Bản tin thị trường: cung cấp tóm tắt tình hình và xu hướng thị trường cùng với bình luận của Vinasecurities.
- Báo cáo phân tích công ty: phân tích toàn diện và chuyên sâu các công ty niêm yết cũng như cập nhật các thông tin có liên quan ảnh hưởng đến các công ty này một cách thường xuyên.
- Báo cáo phân tích tình hình kinh tế vĩ mô: định kỳ hàng tháng phân tích tình hình kinh tế và ảnh hưởng của các yếu tố kinh tế vĩ mô đến thị trường chứng khoán.
- Bình luận kinh tế vĩ mô: bình luận các sự kiện kinh tế vĩ mô cụ thể.
- Báo cáo phân tích chiến lược.



Năm 2011 đánh dấu năm đầu tiên trong hợp tác

chiến lược với Macquarie Securities trong lĩnh vực Nghiên cứu phân tích. Vinasecurities và Macquarie xuất bản báo cáo chiến lược về thị trường mới nổi bao gồm Việt Nam, Bangladesh, Pakistan và Sri Lanka và về cổ phiếu PVD, PNJ và một số cổ phiếu khác. Bên cạnh đó, trong tháng 08/2011, VinaSecurities đã phát hành báo cáo công ty đầu tiên dưới tên của Vinasecurities và Macquarie, được phân phối toàn cầu thông qua mạng lưới hoạt động của Macquarie.

Tiếp nối từ đó, hàng năm Vinasecurities vẫn tiếp tục mở rộng và phát hành thêm nhiều báo cáo nghiên cứu về nhiều công ty blue chip Việt Nam và phân phối cho các nhà đầu tư, tổ chức đầu tư chuyên nghiệp trên khắp thế giới.

Quản trị rủi ro

VinaSecurities đã thành lập bộ phận Quản trị rủi ro cũng như ban hành các chính sách và quy trình quản trị rủi ro theo quy định cũng như nhằm tăng cường kiểm soát các rủi ro tiềm tàng trong quá trình hoạt động kinh doanh ngày, giảm thiểu tổn thất và hướng đến phát triển bền vững.

VinaSecurities tiếp tục chỉnh sửa, hoàn thiện hệ thống quy trình, qui định nội bộ trong hoạt động môi giới, tư vấn, nghiên cứu, công nghệ thông tin, tài chính kế toán, nhân sự nhằm nâng cao chất lượng của hệ thống quy chế, quy trình, quy định nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ. Đây là một yếu tố giúp VinaSecurities nâng cao chất lượng dịch vụ và kiểm soát được rủi ro.

VinaSecurities thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong toàn bộ các hoạt động của VinaSecurities như email, voice mail, điện thoại, quản lý khách hàng, quản lý hệ thống máy chủ... nhằm tối đa hóa sử dụng, tăng cường tính năng động và ngăn chặn rủi ro.

Tình hình tài chính

Tình hình tài chính

VinaSecurities kết thúc năm tài chính 2018 với kết quả lãi 2,77 tỷ đồng so với kết quả lãi 0,92 tỷ của năm ngoái. Điều này chủ yếu do sự ảnh hưởng của kinh tế vĩ mô đối với tình hình kinh doanh của VinaSecurities và sự điều chỉnh hoạt động. Kết quả kinh doanh tăng đáng kể do tăng doanh thu hoạt động tư vấn tài chính và doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán làm cho tổng doanh thu tăng 4.348% so với năm ngoái.

Chi phí hoạt động kinh doanh và chi phí quản lý doanh nghiệp năm nay giảm 96,57% so với năm 2017, trong đó, chi phí hoạt động kinh doanh giảm 99,22% và chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 47,91% so với năm 2017. Tuy nhiên do doanh thu năm nay giảm 79,91% so với doanh thu năm 2017.

Tổng kết tình hình tài chính trong năm 2018

Đvt: triệu đồng

	2018	2017	% tăng/giảm
Tổng tài sản	14.006	18.617	-25%
Doanh thu thuần	3.364	16.747	-80%
Lãi/Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.256	2.879	13%
Thu nhập khác	203	316	-36%
Tổng chi phí	778	16.157	-95%
Tổng lãi kế toán trước thuế	2.768	917	202%
Lãi sau thuế TNDN	2.768	917	202%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	0%

Tình hình tài sản và công nợ

Tổng tài sản tại thời điểm cuối năm đạt 14 tỷ đồng, giảm 25% so với năm 2017 chủ yếu tài sản ngắn hạn giảm 25% so với năm ngoái. Trong năm 2018, tiền và các khoản tương đương tiền giảm 0,92% so với năm ngoái chủ yếu do chi phí hoạt động kinh doanh và chi phí quản lý trong năm.

	2018	2017	% tăng/giảm
TÀI SẢN			
Tài sản ngắn hạn	13.950	18.587	-25%
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.950	14.081	-1%
Các khoản phải thu	0	4.500	-100%
Tài sản ngắn hạn khác	0	6	-100%
Tài sản dài hạn	55	30	83%
Các khoản phải thu dài hạn			
Tài sản cố định	53	30	77%
Tài sản dài hạn khác	1		100%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	14.006	18.617	-25%

NGUỒN VỐN

Nợ phải trả	203	7.583	-97%
Nguồn vốn chủ sở hữu	13.803	11.034	25%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	14.006	18.617	-25%

Chỉ tiêu tài chính cơ bản

Cơ cấu Nợ/tổng nguồn vốn giảm từ 40,73% xuống 1,45%. Khả năng thanh toán tổng quát tăng từ 2,45 lần lên 69 lần; khả năng thanh toán nợ ngắn hạn giảm từ 16,00 lần xuống 2,45 lần. Tỷ suất sinh lời tăng so với năm 2016.

Chỉ tiêu	ĐVT	2018	2017
Cơ cấu vốn			
Nợ/tổng nguồn vốn	%	1,45	40,73
Nguồn vốn chủ sở hữu/tổng nguồn vốn	%	98,55	59,27
Khả năng thanh toán			
Tổng tài sản/nợ phải trả	Lần	69	2,45
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	69	2,45
Tỷ suất sinh lời			
Lãi/(Lỗ) thuần/tổng tài sản	%	19,76	4,93
Lãi/(Lỗ) thuần/vốn chủ sở hữu	%	20,05	8,31

Cơ cấu cổ đông

Số lượng cổ phần

Tại ngày kết thúc năm tài chính, vốn cổ phần của VinaSecurities là 185 tỷ đồng chia thành 18.500.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phần) với các chi tiết như sau:

STT	Diễn giải	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
1	Cổ phần chuyển nhượng tự do	18.500.000	100 %
2	Cổ phần chuyển hạn chế chuyển nhượng	0	0%
	Tổng cộng	18.500.000	100 %

Cơ cấu cổ đông

Trong năm 2018 trong cơ cấu cổ đông của VinaSecurities :

STT	Danh mục	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
1	Tổng số lượng cổ phần phổ thông	18.500.000	100 %
	Cổ đông sáng lập	0	0%
	Cổ đông lớn	18.500.000	100%
	Cổ đông dưới 1% cổ phần có quyền biểu quyết	0	0 %
2	Trong đó		
	Cổ đông nhà nước	0	0%

	Cổ đông trong nước	18.500.000	100%
	Cổ đông nước ngoài (cá nhân nước ngoài)		
	Cổ đông nước ngoài (tổ chức nước ngoài)		

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2018, không có đợt tăng vốn cổ phần nào phát sinh bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng rẽ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

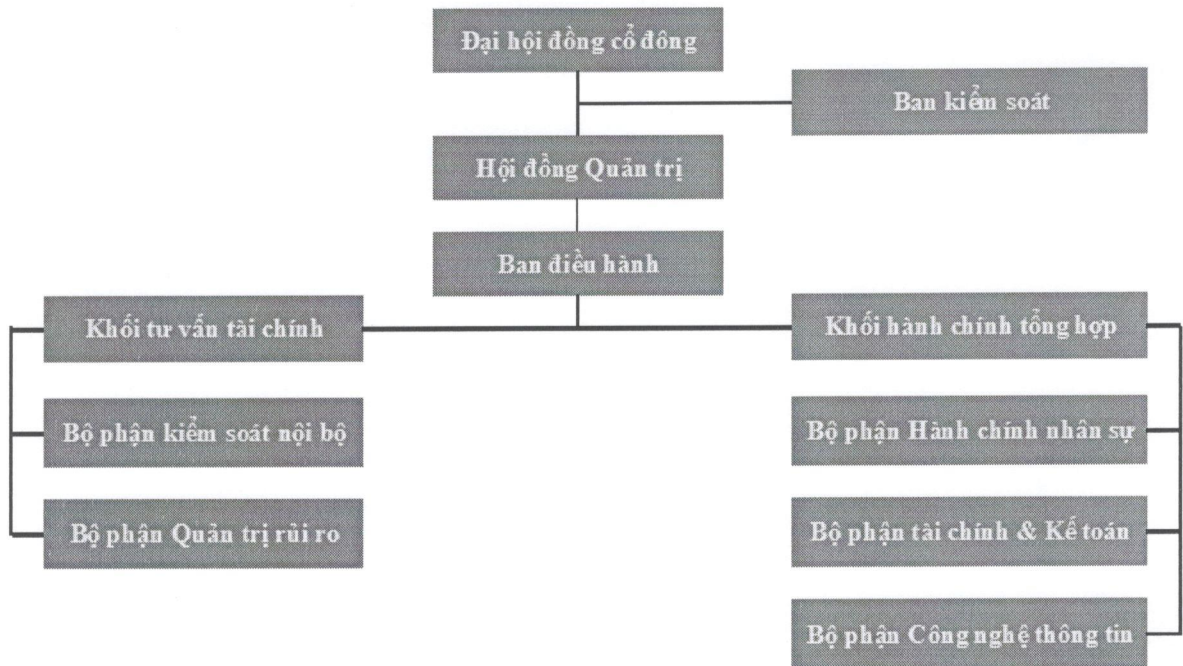
Trong năm 2018 không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

Cổ tức/ lợi nhuận chia các cổ đông

Trong năm 2018 VinaSecurities không thực hiện chia cổ tức cho năm 2017.

Tổ chức nhân sự

Cơ cấu tổ chức



Ban Giám Đốc

Ban Giám Đốc của VinaSecurities gồm có các thành viên sau:

Hoàng Minh Sơn	Chủ tịch HĐQT
Hoàng Minh Sơn	Tổng giám đốc

Ông Hoàng Minh Sơn có quốc tịch Việt Nam, Hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị, ông Sơn hiện nay là Chủ tịch Hội đồng quản trị và là Tổng giám đốc tại VinaSecurities. Trước khi gia nhập VinaSecurities vào tháng 10/2016, ông Sơn đã từng nắm giữ các chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc tài chính của Công ty Cổ phần OTC Việt Nam, Công ty Cổ phần quản lý đầu tư Chuyên Nghiệp, Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Kim Hà. Ông Sơn đã tốt nghiệp kỹ sư Công nghệ thông tin tại Trường đại học Bách khoa Hà Nội, Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ tại Trung tâm nghiên cứu Khoa học và đào tạo Chứng khoán.

Các thành viên ban giám đốc được hưởng thu nhập bao gồm tiền lương, tiền thưởng và các chế độ bảo hiểm như mọi nhân viên làm việc tại VinaSecurities, ngoài ra không có quyền lợi gì khác.

Chính sách nhân sự

Tuyển dụng

Chiến lược phát triển khách hàng của VinaSecurities tập trung vào các nhà đầu tư, do vậy các báo cáo phân tích và nhận định thị trường, dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp đòi hỏi cần có một đội ngũ có chuyên môn sâu và rộng, đồng thời có khả năng giao tiếp và viết tiếng Anh lưu loát do vậy Vinasecurities đã gặp không ít khó khăn trong việc tuyển dụng những nhân tài có đầy đủ chuyên môn và khả năng ngoại ngữ nhằm đáp ứng nhu cầu công việc.

Nhằm nâng cao tính cạnh tranh và thu hút nhân tài, Vinasecurities luôn xem xét tính thỏa mãn nhu cầu người lao động lên hàng đầu. Ngoài việc đáp ứng các nhu cầu tối thiểu, Vinasecurities còn

thiết lập một cơ chế thăng tiến trong nghề nghiệp rất rõ ràng, bao gồm các tiêu chí đánh giá và phát triển một cách công bằng, kịp thời.

Chính sách nhân sự

VinaSecurities luôn luôn lắng nghe ý kiến đóng góp của người lao động về việc cải tiến môi trường làm việc, văn hóa doanh nghiệp, quan hệ lãnh đạo và đồng nghiệp.

Đào tạo

Chính sách đào tạo và phát triển nhân tài tập trung vào việc nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tạo điều kiện và môi trường làm việc thoải mái để nhân viên có cơ hội kết hợp nhuần nhuyễn giữa kiến thức và kinh nghiệm thực tế. Thời gian và không gian làm việc linh hoạt là một nét văn hóa điển hình được Công ty áp dụng nhằm mang lại tính chủ động trong công việc cho nhân viên.

Kế hoạch phát triển

Kế hoạch phát triển

Trong những năm vừa qua, VinaSecurities gặp nhiều khó khăn trong hoạt động kinh doanh. Trong tình hình khó khăn chung Ban Giám đốc VinaSecurities tái cơ cấu công ty, tiếp tục cải tổ, thu hẹp quản lý, nhằm đảm bảo an toàn tài chính.

Vinasecurities tiếp tục thay đổi chiến lược kinh doanh chủ yếu tập trung vào khối khách hàng tổ chức trong và ngoài nước. Đồng thời tiếp tục đẩy mạnh mối quan hệ hợp tác với các đối tác cũ và phát triển các đối tác mới để đem lại nguồn doanh thu cho công ty.

Chiến lược Tư vấn Tài Chính

Bộ phận Tư Vấn Tài Chính của Vinasecurities trong thời gian gần đây đã thay đổi một cách cơ bản theo cấu trúc quản lý ít cấp bậc hơn, rộng hơn và hướng theo doanh thu với trọng tâm đặt vào 6 mảng chính gồm bất động sản, tài chính và bảo hiểm, hạ tầng cơ sở, công nghiệp, tài nguyên khoáng sản và TMET (điện thoại, truyền thông, giải trí và công nghệ).

Với nhu cầu vốn đầu tư to lớn của các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân để tiếp tục thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong các năm sắp tới, Vinasecurities hiện đang có lợi thế tốt trong việc hỗ trợ nhu cầu mua bán sáp nhập ngày càng tăng cũng như việc cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính trong những năm sắp tới.

Bộ phận Tư Vấn Tài chính của Vinasecurities tập trung theo chiến lược tìm kiếm và phục vụ các doanh nghiệp niêm yết và doanh nghiệp tư nhân hàng đầu, có quy mô lớn trong các ngành chiến lược như những lĩnh vực hàng tiêu dùng, Nông nghiệp, Năng lượng, Tài chính, Thông tin Truyền thông.

Vinasecurities cũng không ngừng gia tăng mối quan hệ với các nhà đầu tư trong và ngoài nước nhằm nắm bắt nhu cầu đầu tư cũng như lắng nghe những yêu cầu chuyên biệt củ từng nhà đầu tư trong thị trường. Từ đó, bộ phận Tư vấn Tài chính đưa ra những khách hàng và dịch vụ mục tiêu chú trọng nhằm đưa đến những cơ hội đầu tư tốt nhất và phù hợp nhất với nhu cầu của các nhà đầu tư.

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Đánh giá hoạt động kinh doanh

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát



Đánh giá hoạt động kinh doanh

Năm 2018 tiếp tục là một năm khó khăn đối với VinaSecurities trong bối cảnh ảnh hưởng bởi thị trường chứng khoán. Năm 2018 là năm có nhiều biến động ảnh hưởng cả tích cực lẫn tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của Vinasecurities.

Trong năm 2018, VinaSecurities tiếp tục thực hiện chính sách cắt giảm chi phí toàn diện. Những điều này giúp Vinasecurities giảm một cách đáng kể chi phí hoạt động, cải thiện tình hình tài chính, cải thiện chỉ số an toàn tài chính.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất tại Vinasecurities, có toàn quyền nhân danh Vinasecurities để quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của Vinasecurities mà không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Trong năm 2018, Vinasecurities có thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tên	Chức vụ	Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Hoàng Minh Sơn	Chủ tịch	12 tháng 09 năm 2017	
Ngô Thị Thanh Nga	Ủy viên	12 tháng 09 năm 2017	
Phạm Mai Anh	Ủy viên	12 tháng 09 năm 2017	

Bao gồm trong cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị có một thành viên là thành viên độc lập, không kiêm nhiệm các chức danh điều hành trong VinaSecurities.

Trong năm 2018, các cuộc họp của Hội đồng quản trị như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỉ lệ	Lý do không tham dự
1	Hoàng Minh Sơn	Chủ tịch	3	100%	
2	Ngô Thị Thanh Nga	Ủy viên	3	100%	
3	Phạm Mai Anh	Ủy viên	3	100%	

Hội đồng quản trị đã đưa ra nhiều quyết định nhằm thực hiện kế hoạch phát triển trung và dài hạn của VinaSecurities và đưa chỉ đạo kịp thời về các nội dung chủ yếu sau:

- Phê duyệt chính sách và hạn mức rủi ro
- Thông qua báo cáo kết quả kinh doanh.
- Thông qua báo cáo tài chính năm 2017.
- Thông qua các kế hoạch, chiến lược kinh doanh, chính sách quản lý khác của VinaSecurities.
- Thông qua các vấn đề quản lý hoạt động kinh doanh.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc

Trong năm 2018, căn cứ theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, VinaSecurities không chi trả thù lao các thành viên của Hội đồng quản trị

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, có 2 thành viên Hội đồng quản trị sở hữu cổ phần của VinaSecurities.

Trong năm 2018, không có các giao dịch cổ phiếu hoặc chuyển nhượng phần vốn góp của VinaSecurities của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

Trong năm 2018 không có phát sinh hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết với VinaSecurities của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành và những người liên quan đến các đối tượng nói trên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2019



Đinh Thị Thảo
Người lập



Đinh Thị Thảo
Q. Kế toán trưởng



Hoàng Minh Sơn
Tổng Giám đốc

Báo cáo Tài chính

Báo cáo kiểm toán

Báo cáo thu nhập toàn diện

Báo cáo tình hình tài chính

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Thuyết minh báo cáo tài chính

Số: 125/2019/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 03 năm 2019, từ trang 6 đến trang 27, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina được kiểm toán bởi Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam) số 17-11-185-1, phát hành ngày 27/03/2018 với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.



Nguyễn Tự Trung
Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số 1226-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2019



Lê Quang Nghĩa
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số 3660-2017-112-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		13,950,671,906	18,586,673,041
TÀI SẢN TÀI CHÍNH	110		13,950,671,906	18,580,550,612
Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	13,950,671,906	14,080,550,612
Tiền	111.1		13,950,671,906	14,080,550,612
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	7	-	-
Các khoản phải thu khác	122	7	-	4,500,000,000
TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	130		-	6,122,429
Chi phí trả trước ngắn hạn	133		-	6,122,429
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		55,821,127	30,361,018
Tài sản cố định	220		53,916,681	30,083,340
Tài sản cố định vô hình	227	6	53,916,681	30,083,340
- Nguyên giá	228		73,000,000	38,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(19,083,319)	(7,916,660)
Tài sản dài hạn khác	250		1,904,446	277,678
Chi phí trả trước dài hạn	252		1,904,446	277,678
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		14,006,493,033	18,617,034,059
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		203,697,549	7,582,801,639
Nợ phải trả ngắn hạn	310		203,697,549	7,582,801,639
Phải trả người bán ngắn hạn	320	8	2,732,397	7,362,627,408
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	9	170,965,152	165,174,231
Chi phí phải trả ngắn hạn	325	10	30,000,000	55,000,000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		13,802,795,484	11,034,232,420
Vốn chủ sở hữu	410	11	13,802,795,484	11,034,232,420
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		185,000,000,000	185,000,000,000
Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		185,000,000,000	185,000,000,000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		185,000,000,000	185,000,000,000
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		254,998,000	254,998,000
Lỗi lũy kế	417		(171,452,202,516)	(174,220,765,580)
Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		(171,452,202,516)	(174,220,765,580)
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	440		14,006,493,033	18,617,034,059

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018***CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
Tiền gửi của khách hàng	026		185,942,860	185,977,195
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		185,942,860	185,977,195
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031		185,942,860	185,977,195
Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		185,942,860	185,977,195



Hoàng Minh Sơn
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2019

Đinh Thị Thảo
Q.Kế toán trưởng

Đinh Thị Thảo
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu hoạt động		12	3,364,000,000	16,747,010,723
Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07		1,028,000,000	-
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08		700,000,000	16,747,010,723
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		1,636,000,000	-
Cộng doanh thu hoạt động			3,364,000,000	16,747,010,723
Chi phí hoạt động		13	108,222,291	13,868,504,501
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31		30,701,273	13,868,504,501
Chi phí các dịch vụ khác	32		77,521,018	-
Cộng chi phí hoạt động	40		108,222,291	13,868,504,501
Doanh thu hoạt động tài chính			1,562,517	11,425,531
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không có định phát sinh trong năm	42		1,562,517	11,425,531
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		1,562,517	11,425,531
Chi phí tài chính			-	344,655
Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51		-	344,655
Cộng chi phí tài chính	60		-	344,655
Chi phí quản lý công ty chứng khoán	62	14	392,659,233	753,763,200
Kết quả hoạt động	70		2,864,680,993	2,135,823,898
Thu nhập khác và chi phí khác			(75,136,480)	(1,218,025,543)
Thu nhập khác	71	15	203,574,256	316,353,395
Chi phí khác	72	16	278,710,736	1,534,378,938
Cộng kết quả hoạt động khác	80		(75,136,480)	(1,218,025,543)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	90		2,789,544,513	917,798,355
Lợi nhuận đã thực hiện	91		2,789,544,513	-
Chi phí thuế TNDN	100	17	20,981,449	-
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	200		2,768,563,064	917,798,355
Thu nhập thuần trên cổ phiếu phổ thông	500	18	150	50
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/1 cổ phiếu)	501		150	50
Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (đồng/1 cổ phiếu)	502		150	50



Hoàng Minh Sơn
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2019

Đinh Thị Thảo
Q. Kế toán trưởng

Đinh Thị Thảo
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

CHỈ TIÊU	Mã số Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
		VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp	01	2,789,544,513	917,798,355
Điều chỉnh cho các khoản	02		
- Khấu hao TSCĐ	03	264,291,659	815,233,877
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	07	(204,687,517)	1,519,787,501
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30	2,849,148,655	3,252,819,733
- Giảm/ (Tăng) các khoản phải thu khác	39	4,500,000,000	(4,446,825,480)
- Giảm chi phí trả trước	42	4,495,661	3,816,478
- Thuế TNDN đã nộp	43	(20,981,449)	-
- (Giảm)/ Tăng phải trả cho người bán	45	(7,359,895,011)	7,345,078,328
- Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47	5,790,921	123,150,101
- (Giảm) phải trả, phải nộp khác	50	(25,000,000)	(442,490,435)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60	(46,441,223)	5,835,548,725
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61	(4,085,000,000)	-
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	62	4,000,000,000	-
- Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65	1,562,517	11,194,381
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70	(83,437,483)	11,194,381
Tăng/giảm tiền thuần trong năm	90	(129,878,706)	5,846,743,106
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101	14,080,550,612	8,233,807,506
- Tiền	101.1	14,080,550,612	8,233,807,506
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	103	13,950,671,906	14,080,550,612
- Tiền	103.1	13,950,671,906	14,080,550,612

Error! Not a valid link.



Hoàng Minh Sơn
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2019

Đinh Thị Thảo
Q.Kế toán trưởng

Đinh Thị Thảo
Người lập biểu

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm		Số dư cuối năm	
	Ngày 01/01/2017	Ngày 01/01/2018	Năm 2017	Năm 2018	Ngày 31/12/2017	Ngày 31/12/2018
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm
Biến động Vốn chủ sở hữu						
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	185,000,000,000	185,000,000,000	-	-	-	-
- Quỹ dự phòng tài chính	254,998,000	254,998,000	-	-	-	-
- Lợi nhuận chưa phân phối	(175,138,563,935)	(174,220,765,580)	917,798,355	-	2,768,563,064	-
Tổng cộng	10,116,434,065	11,034,232,420	917,798,355	-	2,768,563,064	-



Hoàng Minh Sơn
Tổng Giám đốc

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2019

(Signature)

Đinh Thị Thảo
Q.Kế toán trưởng

(Signature)

Đinh Thị Thảo
Người lập biểu

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015219 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 26/12/2006 và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 50/UBCK-GPHNKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/12/2006.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 120 Pasteur, phường Bến Nghé, Q.1, TP.HCM

Tổng vốn điều lệ của Công ty là 185.000.000.000 đồng, chia thành 18.500.000 cổ phần, không có cổ phần ưu đãi, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Vốn thực góp đến ngày 31/12/2018 là 185.000.000.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Tư vấn tài chính;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Ngày 08/01/2016, Công ty được UBCK Nhà nước cấp Giấy phép điều chỉnh về thay đổi nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán. Theo đó, Công ty đã rút hoạt động môi giới chứng khoán, và lưu ký chứng khoán ra khỏi hoạt động kinh doanh chủ yếu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 8 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 5 nhân viên).

Cấu trúc Công ty

Công ty không có công ty con, công ty liên kết liên doanh, các chi nhánh và đơn vị trực thuộc.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam “VND” và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Công ty Chứng khoán Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Thực hiện kế toán công ty chứng khoán trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả hoạt động, báo cáo tình hình vốn chủ sở hữu và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi bù trừ và các thanh toán giao dịch chứng khoán của Công ty chứng khoán (CTCK) tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tiền của khách hàng được hạch toán, theo dõi tách biệt và được tổng hợp tại các chi tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính của Công ty gồm: Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý, Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng, Tiền gửi của tổ chức phát hành; Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư.

4.2 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Nguyên tắc kế toán Tài sản tài chính (TSTC) ghi nhận thông qua lãi lỗ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, TSTC sẵn sàng để bán, các khoản cho vay, nợ tài chính:

4.2.1 NGUYÊN TẮC PHÂN LOẠI TSTC VÀ NỢ TÀI CHÍNH THUỘC DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

Tài sản tài chính được phân loại thành bốn loại là tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay.

- a) **Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL):** TSTC được phân loại theo FVTPL khi TSTC đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời.

Danh mục tài sản tài chính chứng khoán tự doanh FVTPL phải chấp hành quy định pháp luật chứng khoán hiện hành. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL mua vào thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK được ghi sổ kế toán theo giá mua thực tế các tài sản tài chính (Đối với chứng khoán chưa niêm yết của Tổ chức phát hành) hoặc giá khớp lệnh mua, bán chứng khoán trên các Sở Giao dịch chứng khoán (Đối với chứng khoán niêm yết). Giá mua các tài sản tài chính không bao gồm các chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL, như: Phí môi giới, phí giao dịch và phí ngân hàng.

4.2.1 NGUYÊN TẮC PHÂN LOẠI TSTC VÀ NỢ TÀI CHÍNH THUỘC DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN (TIẾP)

TSTC được phân loại ra khỏi FVTPL trong trường hợp: TSTC là nợ cho vay hoặc khoản phải thu nếu xác định mục đích sẽ là nắm giữ trong khoản thời gian xác định trong tương lai hoặc đến khi đáo hạn hoặc TSTC là tiền gửi được phân loại sang nhóm tiền và tương đương tiền.

Các loại TSTC được phân loại nhóm khác khi bán cần phải phân loại vào FVTPL.

Các TSTC FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

b) Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM): HTM là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được có kỳ đáo hạn là cố định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các TSTC phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được CTCK xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (FVTPL).
- Các TSTC phi phái sinh đã được Công ty xếp vào loại sẵn sàng để bán (AFS), và
- Các TSTC phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

c) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS): AFS thuộc danh mục TSTC của CTCK là các TSTC phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là (a) Các khoản cho vay và phải thu, (b) Các khoản đầu tư TSTC AFS được phép phân loại sang nhóm: FVTPL, HTM.

d) Các khoản cho vay: Các khoản cho vay thuộc Danh mục TSTC của CTCK là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán

Rủi ro cho vay trong các nghiệp vụ cho vay theo quy định của luật chứng khoán (sau đây gọi tắt là rủi ro) là tổn thất có khả năng xảy ra đối với nợ cho vay của CTCK do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình theo cam kết vay thì phải lập dự phòng rủi ro cụ thể và dự phòng chung cho những tổn thất có thể xảy ra đối với nợ cho vay của CTCK. Công ty chứng khoán sẽ lập dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay bao gồm dự phòng cụ thể và dự phòng chung.

4.2.2 NGUYÊN TẮC ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL và AFS theo giá trị thị trường và giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định của pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty được sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các TSTC. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp và mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận.

Giá thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại. Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) thì giá thị trường được xác định là giá đóng cửa được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất. Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá 1 tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Các cổ phiếu không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành lại tại ngày 31/12/2018.

4.3 DỰ PHÒNG SUY GIẢM TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN NHẬN THẾ CHẤP

Cuối kỳ kế toán, Công ty chứng khoán phải đánh giá tình hình suy giảm giá trị của các loại tài sản tài chính sau: Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn, các tài sản tài chính sẵn có để bán. Nếu phát sinh giá trị suy giảm giá trị của các loại tài sản tài chính này thì phải lập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính. Giá trị lập dự phòng suy giảm giá trị tài chính ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động. Trường hợp nếu tài sản tài chính được đánh giá khôi phục mức suy giảm đã xác định trước đó, thì sẽ hoàn nhập khoản dự phòng suy giảm giá trị đã lập.

Đối với các tài sản nhận thế chấp của CTCK phải thực hiện đánh giá lại tài sản này theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (đối với trường hợp không có giá thị trường) để yêu cầu Bên đi vay bổ sung tài sản thế chấp hoặc trích lập dự phòng giảm giá tài sản nhận thế chấp. Khi giá trị của tài sản nhận thế chấp bị giảm thấp hơn giá trị khoản cho vay của CTCK tính theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (Theo thỏa thuận hoặc cam kết tại Hợp đồng vay có tài sản thế chấp) thì phải lập dự phòng giảm giá tài sản nhận thế chấp. Việc trích lập và hoàn nhập khoản dự phòng tài sản nhận thế chấp được thực hiện ở cuối kỳ kế toán. Mức lập dự phòng giảm giá tài sản nhận thế chấp được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị tài sản thuần tính theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý và giá trị khoản cho vay tính theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý theo thỏa thuận hoặc cam kết tại Hợp đồng vay có tài sản thế chấp đã ghi nhận trên sổ kế toán (Tài khoản không trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính).

4.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, xét xử đang thi hành án hoặc chết. Chi phí dự phòng được hạch toán vào “chi phí quản lý doanh nghiệp” trong kỳ.

Đối với các khoản phải thu quá hạn thanh toán, Công ty trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC.

4.5 ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC VÀ DỰ PHÒNG SUY GIẢM TÀI SẢN TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết, góp vốn vào các công ty cổ phần nắm giữ dưới 20% vốn, không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá gốc chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Khoản đầu tư mà nhà đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu (Tương tự như dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh);
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, nếu Công ty chứng khoán hạch toán khoản đầu tư này theo phương pháp giá gốc, thì việc lập dự phòng được căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư theo quy định của cơ chế tài chính.

Nguyên tắc kế toán dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư dài hạn:

- Đối với các đơn vị được đầu tư là công ty mẹ, căn cứ để nhà đầu tư trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác là Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ đó. Đối với các đơn vị được đầu tư là doanh nghiệp độc lập không có công ty con, căn cứ để nhà đầu tư trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác là Báo cáo tài chính của bên được đầu tư đó.
- Việc trích lập và hoàn nhập khoản dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư.

4.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4.7 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP KẾ TOÁN CÁC PHẢI THU NGẮN HẠN, DÀI HẠN

Nguyên tắc và phương pháp kế toán phải thu bán các TSTC: Toàn bộ giá trị phải thu bán các TSTC thuộc danh mục TSTC của CTCK phải theo dõi qua chỉ tiêu “Phải thu bán các tài sản tài chính” trên Báo cáo tình hình tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp kế toán phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC: tất cả các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính thuộc danh mục TSTC của CTCK phát sinh trong kỳ đều được theo dõi tại chỉ tiêu “Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính” trên Báo cáo tình hình tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp kế toán dự phòng phải thu khó đòi: Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được phản ánh vào Chi phí dự phòng phải thu khó đòi và xử lý tổn thất phải thu khó đòi về cung cấp dịch vụ chứng khoán” trong kỳ. Mức lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo quy định của cơ chế tài chính hiện hành.

4.8 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ TRÍCH TRƯỚC

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo. Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

4.9 CÁC QUỸ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/10/2014 về hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự trữ bắt buộc	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị Quyết của Đại hội cổ đông.

4.10 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu của Công ty được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty xác định khả năng chắc chắn thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này: khi giao dịch chứng khoán đã thành công, dịch vụ đã cung cấp và chuyển giao phần lớn lợi ích cũng như rủi ro cho khách hàng, được khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán hoặc được khấu trừ vào tiền thu bán chứng khoán của khách hàng.

Doanh thu từ vốn đầu tư chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động từ vốn đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Tỷ lệ hoàn thành được đánh giá dựa trên việc xem xét các công việc đã được thực hiện trong toàn bộ cam kết hoặc nghĩa vụ của Công ty đối với khách hàng.

Thu nhập từ hoạt động từ vốn tài chính: là doanh thu phát sinh từ việc cung cấp dịch vụ tư vấn trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng tư vấn.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

4.11 GHI NHẬN CHI PHÍ

Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán bao gồm: khoản lỗ bán chứng khoán tự doanh, các chi phí thực tế phát sinh có liên quan đến việc thực hiện doanh thu của các hoạt động môi giới chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn đầu tư chứng khoán và các hoạt động khác. Chi phí phát sinh trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng năm tài chính. Căn cứ vào thời điểm ghi nhận doanh thu nêu trên, Công ty kết chuyển chi phí kinh doanh chứng khoán tương ứng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

4.12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.13 CÁC BÊN LIÊN QUAN

Một bên được coi là Bên liên quan của Công ty nếu có khả năng kiểm soát được hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty hoặc chịu sự kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể của Công ty trong việc ra quyết định về tài chính và hoạt động kinh doanh. Khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể được thể hiện thông qua quyền biểu quyết trong việc ra các quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, quan hệ tài sản, công nợ và các giao dịch với các bên bị chi phối bởi cùng một chủ thể thì cũng được coi là quan hệ và giao dịch với các bên liên quan. Chủ thể chi phối có thể là đơn vị kinh tế hoặc cá nhân nhà đầu tư, nhà quản lý. Theo đó, các bên liên quan của các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty, các Cổ đông lớn của Công ty và các đối tác có giao dịch lớn trong năm với Công ty.

4.14 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty có hoạt động kinh doanh chính liên quan đến tư vấn đầu tư chứng khoán và tư vấn tài chính. Các hoạt động này được thực hiện theo một quy trình chung và hoạt động trên một khu vực địa lý duy nhất (tại trụ sở chính của Công ty). Do đó, theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận, Công ty không cần lập Báo cáo bộ phận.

4.15 MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là hỗ trợ tài chính cho hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản hợp tác kinh doanh, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi kỳ hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty còn nắm giữ các khoản đầu tư ngắn hạn và đầu tư chứng khoán sẵn sàng để bán. Công ty không nắm giữ hoặc phát hành các công cụ tài chính phái sinh.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty, Công ty có hệ thống kiểm soát mức cân đối có thể chấp nhận được giữa chi phí rủi ro và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc theo dõi liên tục quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo mức cân đối phù hợp giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét thống nhất các chính sách quản lý những rủi ro này như tổng hợp dưới đây.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có hai loại rủi ro: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản hợp tác kinh doanh, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, tiền và các

khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản nợ phải trả tài chính. Những khoản đầu tư này phần lớn là ngắn hạn và không được nắm giữ với mục đích đầu cơ. Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Độ nhạy lãi suất

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy lãi suất do mức độ rủi ro lãi suất của Công ty là nhỏ hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

4.15 MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Rủi ro về giá cổ phần

Chứng khoán vốn niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ chịu ảnh hưởng của rủi ro giá thị trường phát sinh do tình trạng không chắc chắn về giá trị trong tương lai của các khoản đầu tư chứng khoán.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Đầu tư chứng khoán nợ

Rủi ro tín dụng liên quan đến đầu tư chứng khoán nợ dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty về đầu tư chứng khoán. Tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính, Công ty đánh giá rủi ro tín dụng đối với chứng khoán nợ trên cơ sở thông tin về tình hình thị trường và khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Các khoản phải thu khách

hàng của Công ty thuộc một số lượng lớn khách hàng đa dạng và có tài sản bảo đảm đối ứng, do đó không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận Kế toán và bộ phận Nguồn vốn theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các thành phần trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết Minh số 5. Công ty đánh giá rủi ro tập trung về tín dụng liên quan đến tiền gửi ngân hàng ở mức thấp.

RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền	13,950,671,906	14,080,550,612
Tiền mặt	26,197,140	13,933,338,252
Tiền gửi ngân hàng	13,924,474,766	147,212,360
Cộng	13,950,671,906	14,080,550,612

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2018	38,000,000	-	38,000,000
Mua trong năm	35,000,000	4,050,000,000	4,085,000,000
Thanh lý, nhượng bán	-	(4,050,000,000)	(4,050,000,000)
31/12/2018	73,000,000	-	73,000,000
HAO MÒN LUYỄN KẾ			
01/01/2018	(7,916,660)	-	(7,916,660)
Trích khấu hao trong năm	(11,166,659)	(253,125,000)	(264,291,659)
Thanh lý, nhượng bán	-	253,125,000	253,125,000
31/12/2018	(19,083,319)	-	(19,083,319)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2018	30,083,340	-	30,083,340
31/12/2018	53,916,681	-	53,916,681

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU

Chi tiêu	01/01/2018			Số phát sinh trong năm			31/12/2018		
	Tổng số	Số quá	Số	Tăng	Giảm	Tổng số	Số	Số xử lý	Số khó
		hạn	khó				quá	xóa nợ khó	đòi
	VND	VND	đòi	VND	VND	VND	hạn	đòi	VND
1. Phải thu các dịch vụ									
CTCK cung cấp	-	-	-	3,527,600,000	3,527,600,000	-	-	-	-
- Phải thu hoạt động tư									
vấn đầu tư chứng khoán	-	-	-	700,000,000	700,000,000	-	-	-	-
- Phải thu hoạt động đại									
lý phát hành chứng	-	-	-	1,028,000,000	1,028,000,000	-	-	-	-
khoán									
Phải thu hoạt động tư	-	-	-	1,799,600,000	1,799,600,000	-	-	-	-
vấn tài chính									
2. Phải thu khác	4,500,000,000	-	-	4,000,000,000	8,500,000,000	-	-	-	-
Cộng	4,500,000,000	-	-	7,527,600,000	12,027,600,000	-	-	-	-

8. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	2,732,397	7,362,627,408
- Công ty TNHH SWIRE COLD STORAGE	2,732,397	2,627,408
- Công ty Cổ phần OTC Việt Nam	-	4,720,000,000
- Công ty Cổ phần Quản lý đầu tư Chuyên Nghiệp	-	2,640,000,000
Cộng	2,732,397	7,362,627,408

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	160,345,152	165,174,231
Thuế Thu nhập cá nhân	10,620,000	-
Cộng	170,965,152	165,174,231

10. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Trích trước chi phí dịch vụ kiểm toán	30,000,000	55,000,000
Cộng	30,000,000	55,000,000

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU

11.1 CHI TIẾT VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cổ đông	31/12/2018		01/01/2018	
	VND	Tỷ lệ %	VND	Tỷ lệ %
Bà Ngô Thị Thanh Nga	-	-	94,350,000,000	51.00%
Ông Nguyễn Hồng Sơn	-	-	18,130,000,000	9.80%
Bà Phạm Mai Anh	-	-	72,520,000,000	39.20%
Ông Ha Man Choong (1)	16,650,000,000	9.00%	-	-
Ông Han Mun Su (2)	16,650,000,000	9.00%	-	-
RhaYoung Chang (3)	16,650,000,000	9.00%	-	-
Ông Lee Ho Joon (4)	16,650,000,000	9.00%	-	-
Bà Joo Hyejung (5)	16,650,000,000	9.00%	-	-
Bà Kim Nayoung (6)	16,650,000,000	9.00%	-	-
Ông Kim Gukhui (7)	40,700,000,000	22.00%	-	-
Ông Kim Taehyung (8)	44,400,000,000	24.00%	-	-
Cộng	185,000,000,000	100.00%	185,000,000,000	100.00%

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

11.1 CHI TIẾT VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

Các cổ đông cũ đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần cho các Cổ đông mới theo các hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, cụ thể:

(1) Hợp đồng chuyển nhượng số 01/2018/VNSC ngày 28/12/2018 ký giữa Bà Ngô Thị Thanh Nga và Ông Ha Man Choong với số lượng chuyển nhượng là **1.665.000 cổ phần** chiếm 9% vốn điều lệ, giá chuyển nhượng là **2.264,59 đồng/ cổ phần** tương ứng với giá trị chuyển nhượng là **3.770.542.350 đồng**;

(2) Hợp đồng chuyển nhượng số 02/2018/VNSC ngày 28/12/2018 ký giữa Bà Ngô Thị Thanh Nga và Ông Han Mun Su với số lượng chuyển nhượng là **1.665.000 cổ phần** chiếm 9% vốn điều lệ, giá chuyển nhượng là **2.264,59 đồng/ cổ phần** tương ứng với giá trị chuyển nhượng là **3.770.542.350 đồng**;

(3) Hợp đồng chuyển nhượng số 03/2018/VNSC ngày 28/12/2018 ký giữa Bà Ngô Thị Thanh Nga và Ông RhaYoung Chang với số lượng chuyển nhượng là **1.665.000 cổ phần** chiếm 9% vốn điều lệ, giá chuyển nhượng là **2.264,59 đồng/ cổ phần** tương ứng với giá trị chuyển nhượng là **3.770.542.350 đồng**;

(4) Hợp đồng chuyển nhượng số 04/2018/VNSC ngày 28/12/2018 ký giữa Bà Ngô Thị Thanh Nga và Bà Lee Ho Joon với số lượng chuyển nhượng là **1.665.000 cổ phần** chiếm 9% vốn điều lệ, giá chuyển nhượng là **2.264,59 đồng/ cổ phần** tương ứng với giá trị chuyển nhượng là **3.770.542.350 đồng**;

(5) Hợp đồng chuyển nhượng số 05/2018/VNSC ngày 28/12/2018 ký giữa Bà Ngô Thị Thanh Nga và Bà Joo Hyejung với số lượng chuyển nhượng là **1.665.000 cổ phần** chiếm 9% vốn điều lệ, giá chuyển nhượng là **2.264,59 đồng/ cổ phần** tương ứng với giá trị chuyển nhượng là **3.770.542.350 đồng**;

(6)
+ Hợp đồng chuyển nhượng số 07/2018/VNSC ngày 28/12/2018 ký giữa Ông Nguyễn Hồng Sơn và Bà Kim Nayoung với số lượng chuyển nhượng là **555.000 cổ phần** chiếm 3% vốn điều lệ, giá chuyển nhượng là **2.264,59 đồng/ cổ phần** tương ứng với giá trị chuyển nhượng là **1.256.847.450 đồng**;

+ Hợp đồng chuyển nhượng số 06/2018/VNSC ngày 28/12/2018 ký giữa Bà Ngô Thị Thanh Nga và Bà Kim Nayoung với số lượng chuyển nhượng là **1.110.000 cổ phần** chiếm 6% vốn điều lệ, giá chuyển nhượng là **2.264,59 đồng/ cổ phần** tương ứng với giá trị chuyển nhượng là **2.513.694.900 đồng**;

(7) Hợp đồng chuyển nhượng số 09/2018/VNSC ngày 28/12/2018 ký giữa Bà Ngô Thị Thanh Nga và Ông Kim Gukhui với số lượng chuyển nhượng là **1.665.000 cổ phần** chiếm 9% vốn điều lệ, giá chuyển nhượng là **2.264,59 đồng/ cổ phần** tương ứng với giá trị chuyển nhượng là **3.770.542.350 đồng**;

(8) Hợp đồng chuyển nhượng số 10/2018/VNSC ngày 28/12/2018 ký giữa Bà Phạm Mai Anh và Ông Kim Taehyung với số lượng chuyển nhượng là **4.440.000 cổ phần** chiếm 24% vốn điều lệ, giá chuyển nhượng là **2.264,59 đồng/ cổ phần** tương ứng với giá trị chuyển nhượng là **10.054.779.600 đồng**.

Các khoản chuyển nhượng theo các hợp đồng chuyển nhượng nêu trên đã hoàn tất thủ tục giao dịch đến ngày 25/02/2019.

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

11.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	185,000,000,000	185,000,000,000
+ Vốn góp cuối năm	185,000,000,000	185,000,000,000
- Cổ tức, lợi nhuận đã phân phối	-	-

11.3 CỔ PHIẾU

Error! Not a valid link.

12. DOANH THU NGOÀI THU NHẬP TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu Đại lý phát hành chứng khoán	1,028,000,000	-
Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	700,000,000	1,800,460,233
Doanh thu dịch vụ tư vấn tài chính	1,636,000,000	14,824,696,323
Thu nhập hoạt động khác	-	121,854,167
Cộng	3,364,000,000	16,747,010,723

13. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân công	93,200,000	324,775,600
Khấu hao và hao mòn TSCĐ	-	814,378,371
Các dịch vụ thuê ngoài	-	12,595,153,672
Chi phí khác	15,022,291	134,196,858
Cộng	108,222,291	13,868,504,501

14. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên	250,400,000	551,915,606
Chi phí khấu hao TSCĐ	11,166,659	13,880,984
Chi phí thuế, phí và lệ phí	3,000,000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	102,260,666	139,437,370
Chi phí bằng tiền khác	25,831,908	48,529,240
Cộng	392,659,233	753,763,200

15. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Xóa sổ kinh phí công đoàn, chi phí phải trả	-	316,353,395
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	203,125,000	-
Thu nhập khác	449,256	-
Cộng	203,574,256	316,353,395

16. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Xóa sổ TSCĐ	-	1,530,981,882
Chi phí khấu hao TSCĐ không tham gia hoạt động kinh doanh	253,125,000	-
Chi phí nộp phạt thuế	25,585,736	-
Chi phí khác	-	3,397,056
Cộng	278,710,736	1,534,378,938

17. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2,789,544,513	917,798,355
Thuế TNDN theo thuế suất của Công ty	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	278,710,736	1,534,378,938
Chi phí không được trừ	278,710,736	1,534,378,938
<i>Nộp phạt vi phạm hành chính Thuế</i>	25,585,736	-
<i>Khấu hao TSCĐ vô hình không tham gia hoạt động kinh doanh</i>	253,125,000	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	3,068,255,249	2,452,177,293
Lỗi năm trước chuyển sang	(3,068,255,249)	(2,452,177,293)
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp trong kỳ	-	-
Thuế TNDN bị truy thu	20,981,449	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20,981,449	-

17. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TIẾP)

Lỗi dùng để tính bù trừ vào thu nhập chịu thuế cho các năm sau được tính như sau:

Năm phát sinh	Quyết toán thuế	Lỗi được khấu trừ thuế ước tính	Chuyển lỗ	Hết hạn	Lỗi được khấu trừ thuế mang sang ước tính	Năm hết hạn
		VND	VND	VND	VND	
2013	Đã quyết toán	9,374,497,425	(3,068,255,249)	6,306,242,176	-	2018
2014	Đã quyết toán	1,979,129,086	-	-	1,979,129,086	2019
2015	Đã quyết toán	5,575,786,558	-	-	5,575,786,558	2020
2016	Đã quyết toán	1,888,474,924	-	-	1,888,474,924	2021
		18,817,887,993	(3,068,255,249)	6,306,242,176	9,443,390,568	

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong báo cáo tài chính đính kèm cho các khoản lỗ chịu thuế nói trên vì khả năng Công ty có đủ thu nhập chịu thuế để sử dụng khoản lỗ được khấu trừ thuế nêu trên là không chắc chắn.

18. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	2,768,563,064	917,798,355
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	2,768,563,064	917,798,355
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	18,500,000	18,500,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	150	50

19. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc	96,000,000	330,000,000
Cộng	96,000,000	330,000,000

20. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina số 192602/NQ - ĐHĐCĐ/VNSC và Biên bản họp Đại Hội đồng cổ đông ngày 26/02/2019 về việc Chấm dứt và bổ nhiệm tư cách thành viên Hội đồng Quản trị của các Ông/Bà như sau:

Hội đồng Quản trị

Các thành viên được bổ nhiệm kể từ ngày 26/02/2019

Ông Kim Taehyung	Chủ tịch
Ông Ha Man Choong	Thành viên
Ông Han Mun Su	Thành viên
Ông Lee Ho Joon	Thành viên
Bà Kim Gukhui	Thành viên
Ông Lee Sang Yup	Thành viên

Các thành viên miễn nhiệm kể từ ngày 26/02/2019

Ông Hoàng Minh Sơn	Chủ tịch
Bà Ngô Thị Thanh Nga	Thành viên
Bà Phạm Mai Anh	Thành viên

21. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty đã được kiểm toán.



Hoàng Minh Sơn
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2019

Đinh Thị Thảo
Q. Kế toán trưởng

Đinh Thị Thảo
Người lập biểu